

도

cũng, cả, ngay cả

Thêm một danh từ vào điều đã được nói trước đó. Chỉ có một dạng cho mọi trường hợp — không cần nhớ quy tắc phụ âm — nhưng nó đẩy các trợ từ khác ra khỏi vị trí.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi danh từ	도 — không biến đổi	저도 / 밥도
Thay thế 이/가	không dùng cả hai	친구도 — không phải 친구가도
Thay thế 을/를	không dùng cả hai	커피도 — không phải 커피를도
Sau 에, 에서, 한테	gắn chồng lên	학교에도
Với phủ định	ngay cả... cũng không	물도 안 마셨어요
Cặp cố định	cần phủ định	아무도 없어요 / 하나도 몰라요

Khi nào dùng

도 mang nghĩa “cái này cũng vậy.” Nó ngầm định rằng đã có điều gì đó được nhắc tới trước: 저도 갈게요 chỉ có nghĩa khi có người khác cũng đi.

Đi với động từ phủ định, nó chuyển thành nghĩa “ngay cả... cũng không.” 물도 안 마셨어요 nghĩa là đến nước cũng không có. Hai từ gắn chặt với cấu trúc này và bắt buộc đi với phủ định: 아무도 (không ai) và 하나도 (không một chút nào).

Về cấu trúc, nó hoạt động giống 은/는: nó thay thế vị trí của 이/가 và 을/를 chứ không đứng cạnh chúng, nhưng có thể thoải mái gắn sau 에, 에서, 한테 và (으)로.

Ví dụ trong câu

1 저도 한국어를 배워요.

Tôi cũng đang học tiếng Hàn.

2 커피도 차도 다 좋아해요.

Tôi thích cả cà phê lẫn trà.

3 집에도 학교에도 없었어요.

Không có ở nhà mà cũng không có ở trường.

4 한 명도 안 왔어요.

Không một ai đến cả.

5 이것도 주세요.

Cho tôi cả cái này nữa.

6 동생도 같이 갈 거예요.

Em tôi cũng sẽ đi cùng.

So sánh với

만
도 thêm vào một nhóm; 만 loại bỏ mọi thứ khác. Chúng đứng ở cùng một vị trí và thay thế cho nhau dễ dàng, nên rất hữu ích khi luyện cùng nhau.
저도 갈게요. (Tôi cũng sẽ đi) / 저만 갈게요. (Chỉ mình tôi sẽ đi)

은/는
Cả hai đều thay thế 이/가 và 을/를, nhưng mang hướng nghĩa ngược nhau. 은/는 tách một đối tượng ra khỏi phần còn lại; 도 gộp nó vào cùng phần còn lại.
저는 갈게요. (còn tôi thì sẽ đi — người khác thì chưa chắc) / 저도 갈게요. (tôi cũng sẽ đi cùng họ)

또
또 là trạng từ nghĩa là “lại” hoặc “hơn nữa”, bổ nghĩa cho động từ chứ không gắn vào danh từ. Chữ “cũng” trong tiếng Việt tương ứng với 도, không phải 또.
저도 왔어요. (Tôi cũng đã đến) / 또 왔어요. (Tôi lại đến nữa)

Lưu ý

✗ 저는도 갈게요.

○ 저도 갈게요.

도 thay thế 은/는, 이/가 và 을/를 chứ không gắn chồng lên chúng. Nhưng nó có thể gắn sau 에, 에서 và 한테.

✗ 커피를도 주세요.

○ 커피도 주세요.

Quy tắc tương tự với tân ngữ. Bỏ 을/를 trước 도.

✗ 교실에 아무도 있어요.

○ 교실에 아무도 없어요.

아무도 và 하나도 chỉ dùng với động từ phủ định. Muốn nói có ai đó ở đó, hãy dùng 누가 있어요 hoặc 사람이 있어요.